CTCP Dược phẩm Trung ương VIDIPHA (HSX: VDP)

FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 29/12/2023	39,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	9.4%	**4.4%**	**6.6%**

2023

DT thuần **1,019** *tỷ VNĐ*

YoY ▲ 11.0 ▲ 1.1%

2023

LN gộp **271** *tỷ VNĐ*

YoY ▲ 19.0 ▲ 7.2%

2023

LN thuần **91.2** *tỷ VNĐ*

YoY ▼ 1.00 ▼ 1.1%

2023

LN sau thuế **80.2** *tỷ VNĐ*

YoY ▲ 6.70 ▲ 9.1%

2023

ROE **11.8%**

+/- YoY ▼ 0.3%

2023

ROA **7.3%**

+/- YoY ▲ 0.4%

Lịch sử giá

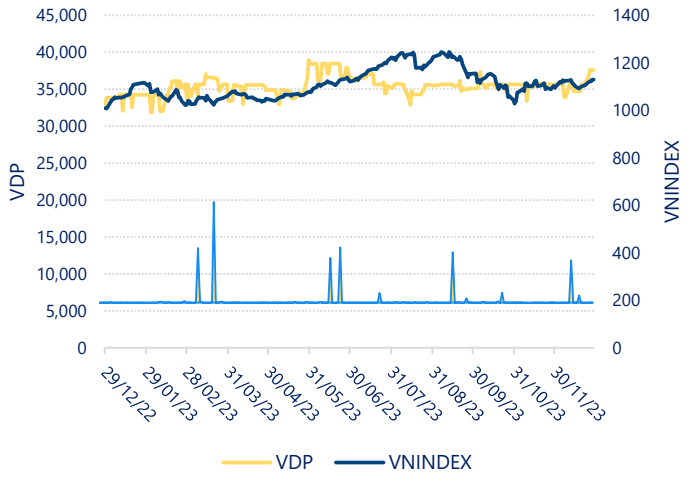

Kết quả kinh doanh

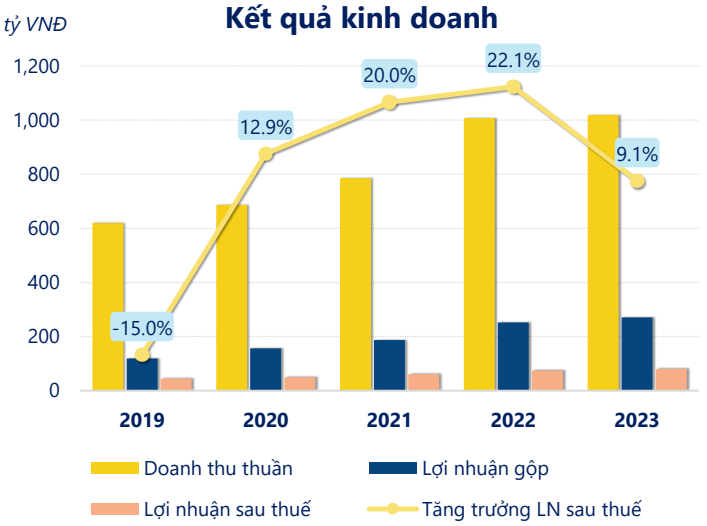

Năm **2023**, **VDP** ghi nhận doanh thu thuần **1,019** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **80.22** tỷ đồng, lần lượt **tăng 1.14%** và **tăng 9.07%** so với năm trước.

Hoạt động kinh doanh của công ty có sự tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận, cùng với **ROE** khá tốt là **11.8%** cho thấy công ty đang phát triển và có hiệu quả hoạt động ổn định.

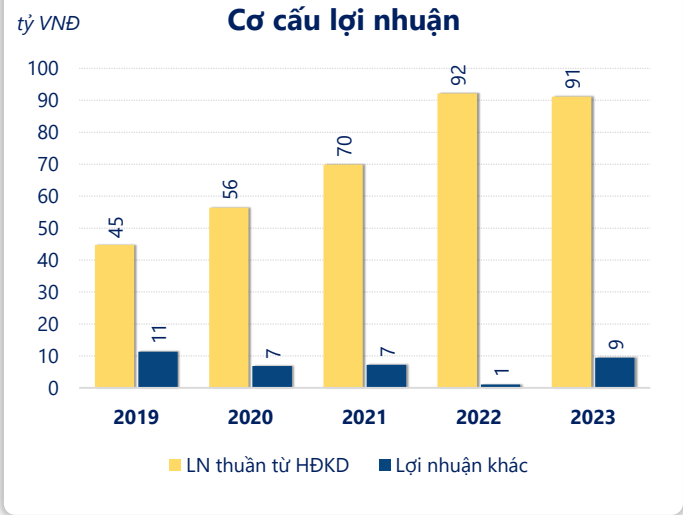

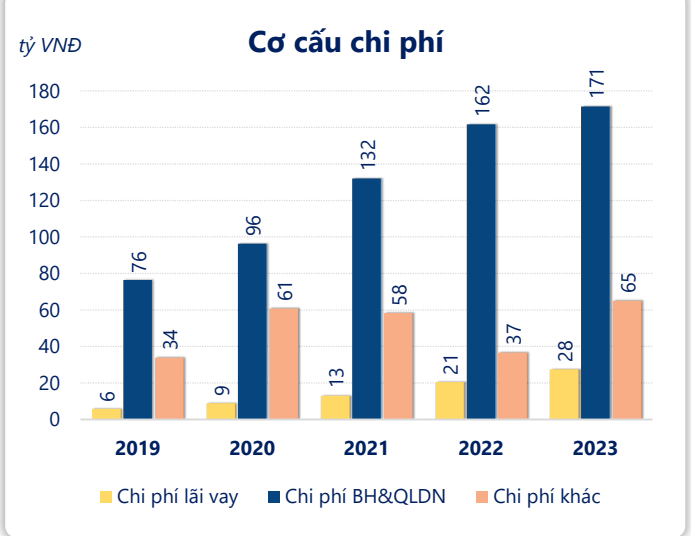

Năm **2023**, **VDP** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **91.18** tỷ đồng, **giảm đi 1.04** tỷ so với năm trước. Và cao hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (70.88 tỷ đồng) là 20.30 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng tích cực từ hoạt động kinh doanh khi có sự phục hồi trong những năm gần đây.

Chi phí lãi vay tăng lên so với năm trước, ở mức **27.56** tỷ đồng. Cùng với đó **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp** cũng **tăng lên**, ở mức **171.4** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **65.04** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

ROE của VDP năm 2023 **giảm** so với năm trước còn **11.8%**, tuy nhiên vẫn **cao hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.

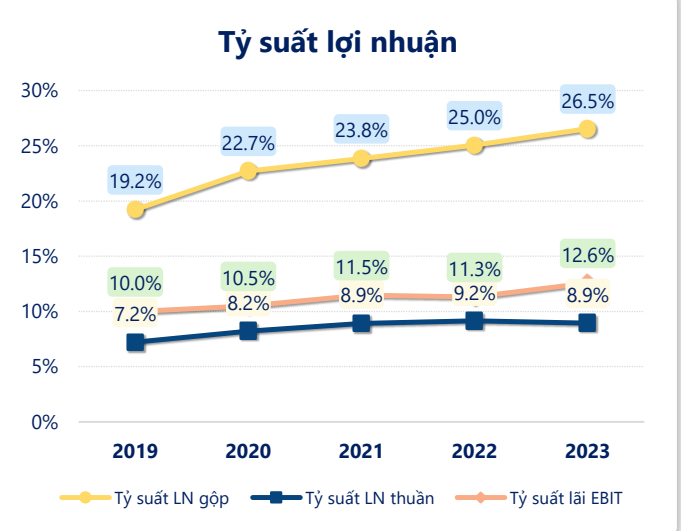

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	**619**	**686**	**785**	**1,008**	**1,019**
Giá vốn hàng bán	500	531	598	755	749
Lợi nhuận gộp	**119**	**156**	**187**	**252**	**271**
Doanh thu HĐTC	8.67	7.66	28.8	26.1	19.6
Chi phí TC	6.60	11.0	14.2	24.5	27.6
Chi phí lãi vay	**5.80**	**8.84**	**12.9**	**20.5**	**27.6**
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	38.4	49.2	69.4	90.1	120
Chi phí QLDN	38.0	47.1	62.6	71.6	51.1
LN thuần từ HĐKD	**44.7**	**56.4**	**69.9**	**92.2**	**91.2**
Lợi nhuận khác	11.3	6.78	7.20	1.10	9.39
LN trước thuế	**56.0**	**63.2**	**77.1**	**93.3**	**101**
Lợi nhuận sau thuế	**44.5**	**50.2**	**60.2**	**73.5**	**80.2**
LNST của CĐ cty mẹ	**44.5**	**50.2**	**60.2**	**73.5**	**80.2**

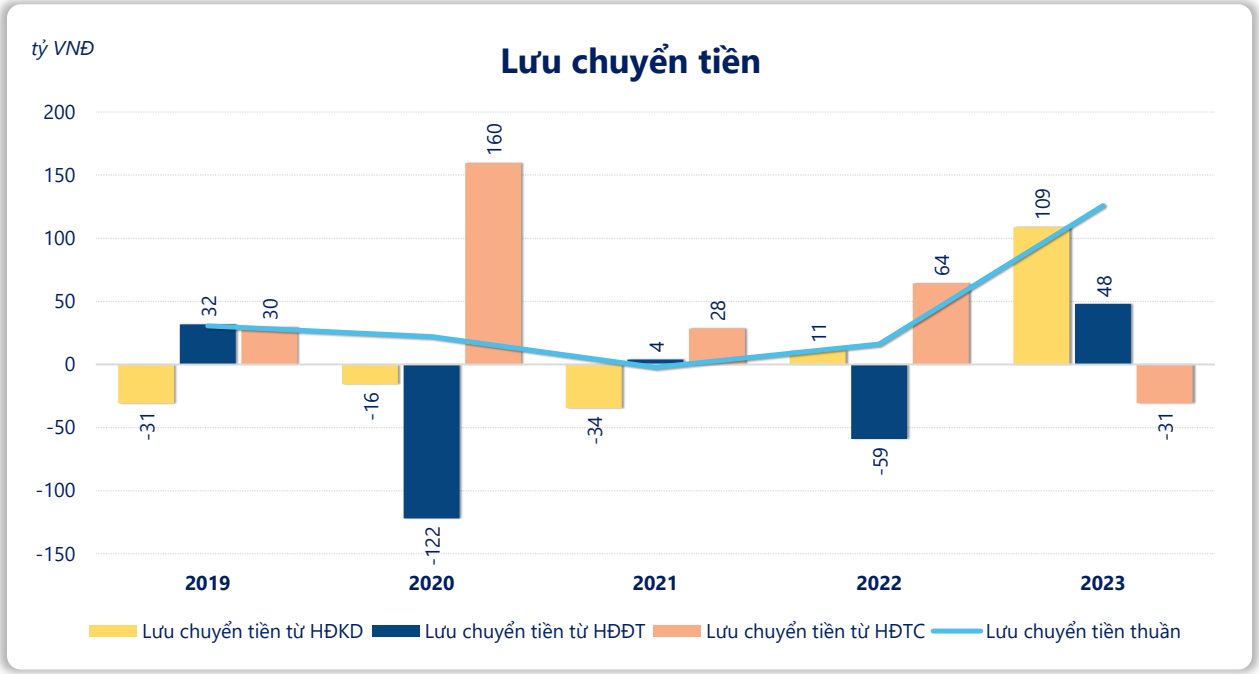

Lưu chuyển tiền thuần năm 2023 của VDP bằng **125.9** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2022 (16.25 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **108.7** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **47.94** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-30.82** tỷ đồng.